

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2738** /QĐ-UBND

Bình Định, ngày **05** tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công-Dự toán xây dựng
Dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Thuận
Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ Quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/6/2014 và Quyết định số 4853/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung” vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Căn cứ Quyết định số 4881/QĐ-BNN-KH ngày 10/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Thuận thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công-Dự toán xây dựng số 2430/SNN-QLXDCT ngày 01/8/2016 và Tờ trình số 2431/TTr-SNN ngày 01/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công-Dự toán xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Thuận thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung.

2. Tên dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Mỹ Thuận.

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Cụm công trình đầu mối hồ chứa cấp III; hệ thống kênh tưới cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Thủy lợi.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

6. Nhà thầu khảo sát, lập Thiết kế BVTC-DT xây dựng công trình: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 3.

7. Chủ nhiệm công trình: KS. Trần Đại Nghĩa.

8. Nội dung thiết kế và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a. Đập đất: Nâng cao đập và sửa chữa chống thấm cho thân và nền đập bằng hình thức tường nghiêng kết hợp sân phủ thượng lưu. Mái thượng lưu đập gia cố bằng bê tông M200 đổ tại chỗ dày 15cm. Đỉnh đập gia cố bê tông M200 dày 18cm, bố trí tường chắn sóng bê tông M200 cao 70cm. Hạ lưu đắp khối gia tải, tiêu nước bằng dải lọc cát kết hợp đồng đá tiêu nước chân mái hạ lưu. Mái hạ lưu trồng cỏ và làm rãnh tiêu nước.

b. Tràn xả lũ: Tràn tự do, kết hợp có cửa xả sâu (4x1,5)m, vận hành bằng máy vít 10 VĐ, nối tiếp bằng dốc nước, tiêu năng bể.

c. Cống lấy nước: Kéo dài cống về phía thượng lưu một đoạn dài 8m bằng ống thép Φ600 bọc bê tông cốt thép M200.

d. Đường quản lý vận hành, cứu hộ đập: Sửa chữa, nâng cấp đường dài 700m, nền đường rộng 4m, mặt đường bê tông rộng 3m và xây dựng 01 cầu giao thông.

e. Kênh tưới và Xây dựng mới đập dâng (Chín Sào):

- Kênh tưới kiên cố hóa dài 4.725,2 km, mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật, kết cấu kênh bằng bê tông M200. Trong đó: Kênh hạ lưu đập dài 484,5m, kênh hữu đập dâng dài 1.981m, kênh tả đập dâng dài 2.091,7m, kênh nhánh N2 - kênh tả dài 168m và 18 công trình trên kênh.

- Xây dựng mới đập dâng bằng bê tông cốt thép, cửa van phẳng, đóng mở bằng máy vítme, có 4 cửa mỗi cửa rộng 3m. Đường quản lý vận hành đập dâng kết hợp giao thông dài 552m, nền đường đắp đất rộng 4,0m, mặt đường bê tông M250 rộng 3,0m.

Các thông số kỹ thuật công trình:

8.1 Các thông số kỹ thuật công trình đầu mối

ph 2

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	Km ²	10,78
2	Lưu lượng bình quân năm Q _o	m ³ /s	0,34
3	Tổng lượng dòng chảy năm W _o	10 ⁶ m ³	10,72
4	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với các tần suất		
	- P= 0,5 %	m ³ /s	360,00
	- P= 1,5 %	m ³ /s	300,00
5	Mực nước dâng bình thường	m	17,00
6	MNLTK (p= 1,5%)	m	18,96
7	MNLKT (p= 0,5%)	m	19,23
8	Mực nước chết	m	9,00
9	Dung tích toàn bộ W _{tb}	10 ⁶ m ³	5,60
10	Dung tích hữu ích W _{hi}	10 ⁶ m ³	5,30
11	Dung tích chết W _c	10 ⁶ m ³	0,30
12	Diện tích mặt hồ tại MNDBT	ha	97,60
13	Chế độ điều tiết		Năm
II	Đập đất		
1	Hình thức kết cấu đập	Tường nghiêng kết hợp sân phủ thượng lưu	
2	Cao trình đỉnh đập	m	20,50
3	Cao trình đỉnh tường chắn sóng	m	21,20
4	Chiều cao đập H _{max}	m	14,30
5	Chiều dài đỉnh đập (kể cả tràn)	m	702,00
6	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,00
7	Hệ số mái thượng lưu		3,00
8	Hệ số mái hạ lưu		2,75; 3,00
9	Cao trình cơ đập hạ lưu	m	11,50
10	Cao trình đỉnh đồng đá tiêu nước	m	8,00
11	Hệ số mái ngoài đồng đá tiêu nước		2,00
12	Hình thức tiêu nước		Dải lọc cát kết hợp đồng đá tiêu nước

ph 3

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
III	Tràn xả lũ		
1	Hình thức tràn	Tràn tự do, có cửa xả sâu kích thước (4,0x1,5) m	
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	17,00
3	Khẩu diện tràn	m	40,00
4	Chiều dài dốc nước	m	47,90
5	Độ dốc dốc nước	%	10
6	Cột nước tràn $H_{\max}$	m	2,20
7	Lưu lượng xả lũ thiết kế ($Q_{1,5\%}$)	m^3/s	179,77
8	Lưu lượng xả lũ kiểm tra ($Q_{0,5\%}$)	m^3/s	218,79
9	Nối tiếp và tiêu năng		Tiêu năng đáy
10	Cao trình đáy bể tiêu năng	m	11,20
11	Chiều dài bể tiêu năng	m	17,00
12	Kích thước cửa xả sâu (dự phòng)	m	(4,0x1,5)
13	Cao trình ngưỡng cửa xả sâu	m	15,50
IV	Công lấy nước		
1	Chế độ chảy qua công		Có áp
2	Khẩu diện công (D)	m	0,60
3	Cao trình ngưỡng công	m	7,20
4	Chiều dài công	m	93,60

8.2 Thông số kỹ thuật đường quản lý vận hành, cứu hộ đập

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
+	Đường:		
1	Loại đường: Đường giao thông nông thôn		
2	Chiều dài tuyến đường (kể cả cầu giao thông)	m	884,00
3	Chiều dài mặt đường gia cố bê tông	m	861,10
4	Bề rộng mặt đường	m	4,00
5	Bề rộng mặt đường gia cố bê tông	m	3,00
6	Độ dốc dọc lớn nhất	%	4,00
7	Độ dốc ngang mặt đường	%	2
8	Kết cấu: áo đường cứng BT M250	cm	18
+	Cầu giao thông:		
9	Cấp tải trọng		H10

4

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
10	Số nhịp	nhịp	2,00
11	Chiều dài cầu		24,00
12	Chiều rộng cầu		4,00
13	Kết cấu cầu		Dầm chữ T, BTCT

8.3 Thông số kỹ thuật các kênh kiên cố

(Kiên cố kênh mặt cắt chữ nhật, $n = 0,017$)

TT	Lý trình	Chiều dài kênh	Diện tích tưới	Lưu lượng (m ³ /s)			Độ dốc	Mặt cắt kênh	Chiều dày kênh
		L(m)	F(ha)	Q _{max}	Q _{tk}	Q _{min}	i	(BxH)m	δ (m)
I	Kênh hạ lưu đập	484,5	350						
1	Từ K0 đến K0+484,5	484,5	350	0,596	0,497	0,199	0,00133	0,75x1,00	0,15
II	Kênh hữu đập dâng	1.981	100						
2	Đoạn 1 (từ K0 đến K1+279)	1279	100	0,167	0,139	0,056	0,00122	0,45x0,70	0,12
3	Đoạn 2 (từ K1+279 đến K1+981)	702	71	0,118	0,098	0,039	0,00122	0,40x0,65	0,12
III	Kênh tả đập dâng	2.091,7	150						
4	Đoạn 1 (từ K0 đến K0+563)	563	150	0,259	0,216	0,086	0,00145	0,50x0,80	0,12
5	Đoạn 2 (từ K0+563 đến K1+013)	450	115	0,198	0,165	0,066	0,00145	0,45x0,75	0,12
6	Đoạn 3 (từ K1+013 đến K1+311,5)	298,5	115	0,198	0,165	0,066	0,00139	0,45x0,75	0,12
7	Đoạn 4 (từ K1+311,5 đến K2+091,7)	780,2	20	0,035	0,029	0,012	0,00088	0,25x0,50	0,10
IV	Kênh nhánh N2- Kênh tả	168	85						
8	Từ K0 đến K0+168	168	85	0,140	0,117	0,047	0,00158	0,40x0,65	0,12

*** Công trình trên kênh:**

Xây dựng 18 công trình trên kênh, trong đó: Cổng tưới: 13 công trình, cống đầu kênh: 3 công trình, cống qua đường: 2 công trình.

8.4: Thông số kỹ thuật đập dâng (đập dâng Chín Sào)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Cấp công trình		cấp IV
2	Diện tích lưu vực hứng lũ	km ²	12,50
3	Diện tích lưu vực hứng nước tưới	km ²	6,20
4	Lưu lượng đỉnh lũ muện thiết kế P=2%	m ³ /s	70
5	Hình thức đập : đập cửa phẳng, vận hành bằng máy vítme		
6	Số cửa / Chiều rộng mỗi cửa	m	4 / 3
7	Bề rộng đập kể cả trụ pin	m	15,00
8	Mực nước dâng trước đập	m	2,50
9	Cao trình ngưỡng đập	m	0,50
10	Cao trình đỉnh trụ pin, trụ biên	m	3,20
11	Cao trình đáy bề tiêu năng	m	- 0,20
12	Cao trình sân sau	m	0,50
13	Chiều dài ngưỡng tràn	m	6,40
14	Chiều dài bề tiêu năng	m	8,00
15	Chiều dài gia cố sân sau	m	50,00
16	Kết cấu chính : BTCT M200, bê tông		
	Hai cống lấy nước:		
17	Cao trình ngưỡng cống tả và cống hữu	m	1,88; 1,83
18	Kích thước cống tả	m	Cống D60
19	Kích thước cống hữu	m	Cống D60
20	Chiều dài cống	m	4,00
21	Kết cấu chính: Ống BTLT và bê tông		
	Cầu giao thông trên đỉnh đập:		
22	Bề rộng mặt cầu	m	4,00
23	Chiều dài cầu	m	15,60
24	Kết cấu		Cầu bản BTCT

8.5. Đường quản lý vận hành đập dâng kết hợp giao thông nông thôn

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Loại đường : Đường giao thông nông thôn		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
2	Chiều dài đường (kể cả qua đập dâng)	m	552
3	Bề rộng mặt đường	m	4
4	Bề rộng đường gia cố bê tông	m	3
5	Độ dốc dọc lớn nhất	%	2,56
6	Độ dốc ngang mặt đường	%	2
7	Kết cấu : áo đường cứng BT M250	cm	18

9. Tổng dự toán xây dựng công trình:

51.648.651.000 đồng

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

TT	Khoản mục chi phí	TMDT. được duyệt	Tổng dự toán	Vốn vay ADB	%	Vốn đối ứng	%
1	Chi phí xây dựng và thiết bị sau thuế	44.979.152	38.045.345	38.045.345	100	-	0
2	Chi phí quản lý dự án	767.589	946.763	757.410	80	189.353	20
3	Tư vấn đầu tư xây dựng	5.142.206	5.021.949	-	0	5.021.949	100
4	Chi phí khác	529.461	1.341.072				
-	Chi phí hạng mục chung		1.139.837	1.139.837	100	-	0
-	Các chi phí khác còn lại		201.235	-	0	201.235	100
5	Bảo hiểm công trình	305.858	259.215	259.215	100	-	0
6	Phí bảo vệ môi trường và thuế tài nguyên	240.579	383.055	383.055	100	-	0
7	Đào tạo, tập huấn	36.175	36.175	32.558	90	3.617	10
8	An toàn và tham gia của cộng đồng	36.000	36.000	32.760	91	3.240	9
9	Bồi thường, GPMB	532.534	659.620	-	0	659.620	100
10	Rà phá bom, mìn, vật nổ	200.000	224.043	-	0	224.043	100
11	Chi phí dự phòng	3.598.022	4.695.324	4.695.324	100	-	0
	Tổng cộng	56.367.576	51.648.561	45.345.504		6.303.057	

10. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2019.

12. Phương thức thực hiện: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và hướng dẫn của Nhà tài trợ (ADB).

gh
7

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình, các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định của Nhà tài trợ (Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Ban Quản lý dự án Thủy lợi tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BQL các dự án NN, Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K14 (25b) /



Trần Châu